TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 17/3/2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Pép Êban;

2. Ông Nguyễn Bá Thương.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 15/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Minh S, sinh năm 1964

Địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, *vắng mặt*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958

Địa chỉ: 40 C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk*, có mặt.*

2. Bị đơn: Bà H Đ, sinh năm 1966

Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày nội dung:**

Ngày 05/9/2016 bà Bùi Thị Minh S có cho bà H D vay số tiền 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng), có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy vay tiền là bao nhiêu, thời hạn trả nợ đến tháng10/2018 trả hết số tiền gốc và lãi tổng cộng 345.000.000 đồng.

Năm 2018 bà H Đ tiếp tục viết giấy nợ tiền vay của bà S số tiền 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ hẹn đến ngày 26/6/2018 trả số tiền gốc 20.000.000 đồng.

Tất cả các khoản vay trên khi vay hai bên có lập giấy vay tiền viết tay do bà Sâm và bà H Đ ghi và ký vào bên người vay tiền. Tuy nhiên toàn bộ khoản vay cho đến nay đã quá thời hạn trả mà bà H Đ vẫn chưa trả cho bà S một khoản tiền nào, kể cả tiền nợ gốc và lãi, mặc dù bà S đã tìm gặp và yêu cầu trả nhưng bà H Đ vẫn không trả. Do đó nay bà Sâm khởi kiện yêu cầu bà H Đ phải trả lại toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay gồm hai khoản, khoản tiền vay thứ nhất 190.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất x 20 %/năm x 03 năm = 304.000.000 đồng và khoản tiền gốc vay thứ hai là 29.000.000 đồng, tổng cộng 333.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng). Ngoài ra không có yêu cầu gì khác và không có tài liệu, chứng cứ gì khác để cung cấp thêm. Tại địa phương nguyên đơn không thuộc diện hộ nghèo hay cận nghèo của năm 2020.

*** Đối với bị đơn bà H Đ:** Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo, triệu tập tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bà H Đ vắng mặt không có lý do. Tại biên bản xác minh ngày 05/4/2019 chính quyền địa phương xác nhận bà H Đ hiện đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú địa phương buôn E , xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng và triệu tập theo quy định pháp luật về việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà H Đ không có ý kiến phản hồi gì. Theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết có tên H Đ ký và viết dưới mục người vay trong "Giấy cam kết trả nợ" ghi ngày 05/9/2016 và giấy "nợ tiền 2018" ghi ngày 28/9/2018 mà nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện so sánh với chữ ký, chữ viết có tên H Đ dưới mục người vay trong "Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay" ghi ngày 30/5/2017 và dưới mục người vay vốn trong "Sổ vay vốn" của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện C tại Phòng khoa học kỹ thuật Hình sự Công An tỉnh Đắk Lắk. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không có mặt, phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ nhất và thứ hai đều vắng mặt.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu:

Thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vấn đề thu thập chứng cứ, lấy lời khai, trưng cầu giám định, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, 98, 102, 203, 220 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 170 đến Điều 175, Điều 178 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa lần hai, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Kết luận giám định số 138/PC09 ngày 02/01/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk có đủ cơ sở xác định vào các ngày ngày 26/6/2018 và 28/9/2018 bị đơn có ký xác nhận vay của nguyên đơn tiền gốc các khoản 29.000.000 đồng và 190.000.000 đồng, xét thấy việc vay tiền giữa các đương sự không trái quy định của pháp luật và đã quá thời hạn trả nợ nhưng cho đến nay bị đơn chưa trả khoản tiền nào cho nguyên đơn là vi phạm cam kết giữa hai bên, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ số tiền nợ là có căn cứ xem xét chấp nhận. Tuy nhiên tại thời điểm vay ngày 05/9/2016 thì bộ luật Dân sự 2015 chưa có hiệu lực nên yêu cầu áp dụng mức tiền lãi 20% cho khoản vay 190.000.000 đồng là không có căn cứ mà cần áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự 2005 để tính lãi suất cho khoản vay này là phù hợp. Áp dụng Điều 471, Điều 474 và khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H Đ trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị Minh S số tiền gốc tổng cộng là 219.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng của số tiền gốc 190.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo giấy vay tiền ghi "ngày 05/9/2016" và giấy ghi "năm 2018" do nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện và lời khai của đương sự có nội dung bị đơn vay của nguyên đơn số tiền gốc gồm hai khoản, khoản thứ nhất là 190.000.000 đồng, ngày 28/9/2018 bị đơn hẹn đến tháng 10/2018 trả gốc và lãi; khoản thứ hai là 29.000.000 đồng, hẹn đến ngày 26/6/2018 trả 20.000.000 đồng. Đến nay toàn bộ

các khoản tiền đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Xét quan hệ pháp luật dân sự về việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên nguyên đơn xác định bị đơn không trả nợ đúng thời hạn theo thoả thuận như đã cam kết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó nguyên đơn là người có quyền khởi kiện, bị đơn cư trú tại buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:

Tòa án đã thông báo cho các đương sự tham gia phiên họp để giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn có mặt và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Tại phiên tòa lần hai bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, không có đương sự nào cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX buộc bị đơn trả số tiền tổng cộng gốc và lãi 333.000.000 đồng.

Đối với bà H Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, vi phạm quyền, nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Theo giấy vay tiền ghi "ngày 05/9/2016" và giấy ghi "năm 2018" do nguyên đơn dùng làm căn cứ để khởi kiện (bút lục số 38 và 39); Kết luận giám định số 138/PC09 ngày 02/01/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk HĐXX có cơ sở xác định bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền gốc gồm hai khoản; khoản thứ nhất là 190.000.000 đồng, ngày 28/9/2018 bị đơn hẹn đến tháng 10/2018 trả gốc và lãi; khoản thứ hai là 29.000.000 đồng, hẹn đến ngày 26/6/2018 trả 20.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ nguyên đơn cho rằng bị đơn vẫn chưa thanh toán khoản tiền nào cho nguyên đơn là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn là người có quyền khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[3.2] Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện các biện pháp cấp, tống đạt, thông báo và triệu tập hợp lệ cho bị đơn về việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn không có mặt tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình mặt dù vẫn cư trú tại địa phương. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết luận Giám định số 138/PC09

ngày 02/01/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, HĐXX xét thấy vào "ngày 05/9/2016" và "năm 2018" bị đơn có viết giấy nợ của nguyên đơn với số tiền gốc gồm hai khoản; khoản thứ nhất là 190.000.000 đồng, ngày 28/9/2018 bị đơn hẹn đến tháng 10/2018 trả gốc và lãi; khoản thứ hai là 29.000.000 đồng, hẹn đến ngày 26/6/2018 trả 20.000.000 đồng. Các khoản nợ hiện nay đã quá thời hạn trả nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm nghĩ vụ trả nợ theo quy định Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở cần chấp nhận.

Về yêu cầu tiền lãi áp dụng mức tiền lãi 20% cho khoản vay ngày 05/9/2016 đối với số tiền gốc 190.000.000 đồng là không có căn cứ vì thời điểm này Bộ luật Dân sự năm 2005 vẫn đang còn hiệu lực thi hành nên cần áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản (9%/năm) để tính lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn cho khoản vay này là phù hợp, được xác định như sau:

Lãi suất trong hạn: Vay từ tháng 9/2016 hẹn đến tháng 10/2018 trả = 25 tháng. (190.000.000 đồng x mức lãi suất cơ bản tại thời điểm xác lập hợp đồng 0,75%/tháng x thời gian vay 25 tháng) = 35.625.000 đồng.

Lãi suất quá hạn: Từ tháng 11/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm 17/3/2020 = 16 tháng 17 ngày. (190.000.000 đồng x lãi suất cơ bản tại thời điểm xét xử sơ thẩm 0,75%/tháng x thời gian chậm trả nợ gốc là 16 tháng 17 ngày) = 23.607.500 đồng.

Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc: 190.000.000 đồng + 29.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 35.625.000 và lãi quá hạn 23.607.500 đồng = 278.232.500 đồng.

[4] Về án phí và tạm ứng án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn bà H Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 278.232.500 đồng x 5% = 13.911.500 đồng.

Do một phần yêu cầu không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu một phần án phí dân sự sơ thẩm là 333.000.000 đồng – 278.232.500 đồng = 54.767.500 đồng x 5 % = 2.738.375 đồng, được khấu trừ 8.325.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, nguyên đơn được nhận lại 5.586.500 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Do kết luận giám định theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ ký là

5.760.000 đồng theo quy định tại Điều 160 và 161 Bộ luật tố tụng Dân sự. Số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi ngày 03/01/2020, do đó áp dụng khoản 2 Điều 162 Bộ luật tố tụng Dân sự buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí giám định này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 160, 161, khoản 2 Điều 162, Điều 203, 220, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 358; 463; 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản;

Áp dụng khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Minh S.

Buộc bị đơn bà H Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Minh S tổng cộng số tiền 278.232.500 đồng *(hai trăm bảy mươi tám triệu hai trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng),* trong đó tiền gốc 219.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 35.625.000 đồng và lãi quá hạn 23.607.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về tiền án phí và tạm ứng án phí:

Buộc bị đơn bà H Đ phải chịu 13.911.500 đồng *(mười ba triệu chín trăm mười một nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc nguyên đơn bà Bùi Thị Minh S phải chịu 2.738.375 đồng *(hai triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 8.325.000 đồng *(tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0014787 ngày 17 tháng 10 năm 2019, bà Sâm được nhận lại

5.586.500 đồng *(năm triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Về chi phí tố tụng khác: Buộc bà H Đ phải hoàn trả lại cho bà Bùi Thị Minh S 5.760.000 đồng *(năm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)* tiền chi phí giám định.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Công Cường

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2020/TB-TA	*Cư Kuin, ngày 29 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ vào Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do tính toán sai trong bản án số 02/2020/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Minh S, sinh năm 1964

Địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 40 C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà H Đ sinh năm 1966

Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung bản án số 02/2020/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk như sau:

Tại dòng thứ 01 từ trên xuống trang 06 của bản án đã ghi "5.760.000 đồng"…..

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: " 2.880.000 đồng"…..

Tại dòng thứ 04 từ trên xuống trang 07 của bản án đã ghi "5.760.000 đồng *(năm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)*….

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: " 2.880.000 đồng" *(hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng"*……

Nơi nhận: - VKSND huyện Cư Kuin; - Chi cục THADS huyện Cư Kuin; - Các đương sự; - Lưu hồ sơ tại Tòa án.	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** **(Đã ký)** **Văn Công Cường**